

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 241 THÁNG 7 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 241 tháng 7 năm 2017.

1. Một số rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam và định hướng khắc phục/ Đỗ Đức Bình, Võ Thế Vinh// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 2 – 9

Tóm tắt: Trong những năm qua, đặc biệt là trong những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực xây dựng và ban hành một hệ thống luật pháp, các chính sách kinh tế và các văn bản pháp quy khác với một số lượng vô cùng lớn, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế để đáp ứng yêu cầu của đổi mới kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, về nội dung cũng như quá trình thực thi thể chế (luật pháp, chính sách...) vẫn đang nổi lên không ít bất cập, gây cản trở và làm giảm hiệu quả của sự phát triển. Các rào cản chủ yếu về thể chế kinh tế có thể kể ra là; rào cản về luật pháp, chính sách; rào cản về tổ chức bộ máy quản lý; rào cản đối với các chủ thể tham gia thị trường. Bài viết này sẽ đi vào trình bày khái quát các rào cản này và đưa ra định hướng khắc phục trong những năm tới.

Từ khóa: Rào cản; Rào cản về thể chế kinh tế; Định hướng khắc phục

2. Tham nhũng dựa trên “cấu kết” và định hướng mới trong phòng chống tham nhũng ở Việt Nam/ Nguyễn Văn Thắng, Lê Quang Cảnh, Nguyễn Vũ Hùng, Bạch Ngọc Thắng// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 10 – 16

Tóm tắt: Tham nhũng rất đa dạng và cần được phân loại để phòng chống có hiệu quả. Dựa trên hai tiêu chí là “khoảng tự do chính sách” và “sự cấu kết”, bài viết chia tham nhũng thành bốn loại khác nhau. Những biểu hiện và sự vận động. Những biểu hiện và sự vận động của các loại tham nhũng này được mô tả tóm tắt từ các tình huống nghiên cứu ở các dự án phát triển hạ tầng có sự tham gia của nguồn vốn ngoài ngân sách. Kết quả cho thấy tham nhũng dựa trên “sự cấu kết” khá phổ biến và có tác động lớn tới sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước. Để phòng, chống tốt hơn tham nhũng dựa trên “sự cấu kết”, các biện pháp kiểm soát xung đột lợi ích, tăng cường sự tham gia thực chất của người dân, và xây dựng một khu vực doanh nghiệp liêm chính là hết sức cần thiết.

Từ khóa: Tham nhũng; Cấu kết; Hợp tác công tư

3. Cơ hội và thách thức của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với công nghiệp Việt Nam/ Nguyễn Thị Xuân Thúy, Đỗ Anh Đức// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 17 – 22

Tóm tắt: Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN4) được nhắc tới lần đầu trong cuốn Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xuất bản đầu năm 2016 của Giáo sư Klaus Schwab, nhà sáng lập và Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF). Theo Schwab, chúng ta đang bước vào cuộc cách mạng với những công nghệ mới sẽ làm thay đổi căn bản hệ thống sản xuất toàn cầu, thay đổi hoàn toàn cách con người sống, làm việc và kết nối với người khác. Cuộc cách mạng này diễn ra trên quy mô toàn cầu, với tốc độ nhanh chưa từng thấy từ trước tới nay. Vật đặc điểm của cuộc CMCN4 này là gì? Các công nghệ mới là gì? Chúng sẽ có tác động như thế nào đến công nghiệp toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng? Bài viết này đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi trên, đồng thời đề xuất một số định hướng chính sách về phát triển công nghiệp Việt Nam trong bối cảnh đang diễn ra cuộc CMCN4.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Công nghiệp 4.0

4. Sở hữu cổ đông lớn và thanh khoản cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Đặng Tùng Lâm, Nguyễn Thị Minh Huệ// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 23 – 30

Tóm tắt: Nghiên cứu đã làm rõ mối quan hệ giữa cổ đông lớn và thanh khoản cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Sử dụng dữ liệu nghiên cứu là toàn bộ các công ty niêm yết trên hai Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014, kết quả nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa cổ đông lớn và tính thanh khoản cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu không chỉ bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ này trên các thị trường đang phát triển, mà còn là cơ sở khoa học cho các hàm ý chính sách nhằm tăng cường tính thanh khoản cổ phiếu cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Từ khóa: Cổ đông lớn; Thanh khoản cổ phiếu; Công ty niêm yết

5. Đổi mới doanh nghiệp dân doanh Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa: Triển vọng và thách thức/ Diệp Thanh Tung// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 31 – 39

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu của 996 doanh nghiệp dân doanh tham gia trong dự án khảo sát doanh nghiệp năm 2015 của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam để đánh giá các hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các doanh nghiệp dân doanh Việt Nam đã có khuynh hướng đổi mới ở tất cả các hình thức, nhưng việc đổi mới chủ yếu diễn ra dưới hình thức đổi mới sản phẩm, dịch vụ; trong khi đó, đổi mới trong tổ chức quản lý vẫn diễn ra chậm. Nhìn chung, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đổi mới của doanh nghiệp, bao gồm các yếu tố bên ngoài và các yếu tố bên trong, phản ánh đặc điểm của doanh nghiệp. Khi các doanh nghiệp nhỏ chiếm đa số trong tổng số doanh nghiệp của cả nước thì việc họ ít có các hoạt động đổi mới là

thử thách đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói chung trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Từ khóa: Đổi mới; Doanh nghiệp; Toàn cầu hóa; R&D; Logistic

6. Tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam/ Nguyễn Minh Sáng// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 40 – 49

Tóm tắt: Bài viết phân tích tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2007-2015 theo hai nhóm: (i) Nhóm ngân hàng có quy mô lớn có tổng tài sản trung bình trong giai đoạn nghiên cứu từ 100.000 tỷ VND trở lên và (ii) Nhóm ngân hàng có quy mô nhỏ có tổng tài sản trung bình trong giai đoạn nghiên cứu nhỏ hơn 100.000 tỷ VND. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc đa dạng hóa thu nhập có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại trong giai đoạn nghiên cứu. Dựa vào kết quả nghiên cứu, bài viết đã đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Từ khóa: Đa dạng hóa thu nhập; Hiệu quả hoạt động; Ngân hàng thương mại

7. Các yếu tố tác động tới hiệu quả áp dụng quản trị tinh gọn trong doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam/ Phạm Thu Hương// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 50 – 58

Tóm tắt: Nghiên cứu phát triển mô hình đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới hiệu quả áp dụng quản trị tinh gọn dựa trên những mô hình nghiên cứu đi trước và đặc điểm của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Các yếu tố ảnh hưởng bao gồm nhóm nhân tố lãnh đạo, khả năng truyền thông, khả năng tài chính, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc, văn hóa doanh nghiệp tới hiệu quả áp dụng quản trị tinh gọn trong doanh nghiệp xuất khẩu. Kết quả kiểm định cho thấy nhóm nhân tố lãnh đạo, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc, văn hóa doanh nghiệp có ảnh hưởng tới áp dụng quản trị tinh gọn trong doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam và chưa có đủ căn cứ để kết luận về ảnh hưởng của hai nhân tố khả năng truyền thông và khả năng tài chính. Kết quả nghiên cứu phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây và với điều kiện của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi mà phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ có mô hình quản trị tập trung và phân cấp thấp.

Từ khóa: Doanh nghiệp xuất khẩu; Quản trị tinh gọn; Sản xuất tinh gọn

8. Chỉ số chất lượng dịch vụ công nông nghiệp nông thôn dựa trên phản hồi của người sử dụng dịch vụ/ Hoàng Vũ Quang, Vũ Trọng Bình// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 59 – 67

Tóm tắt: Bài báo trình bày một phương pháp mới đánh giá chất lượng dịch vụ công nông nghiệp nông thôn dựa trên phản hồi của người sử dụng dịch vụ thông qua chỉ số. chất lượng dịch vụ công được đánh giá trên 8 nội dung gồm: mức độ bao phủ; tính sẵn có của dịch vụ; cơ sở vật chất, hạ tầng đảm bảo cung cấp dịch vụ; cán bộ nhân viên; kết quả đầu ra; tính minh bạch và giải trình; tính thích ứng của hệ thống. Phương pháp mới đã được sử dụng trên 4 dịch vụ là khuyến nông, thú y, nước sạch và y tế cơ sở tại 3 tỉnh đại diện cho các điều kiện khác nhau. Kết quả đánh giá dịch vụ y tế xã được trình bày trong bài viết này đã cho phép xác định được điểm yếu của chất lượng dịch vụ y tế xã từ đó có chính sách thích hợp để cải thiện chất lượng dịch vụ cũng như cho phép so sánh sự cải thiện chất lượng dịch vụ giữa các địa phương và thời kỳ khác nhau.

Từ khóa: Chất lượng dịch vụ; Chỉ số; Nông nghiệp nông thôn; Người sử dụng dịch vụ

9. Bất bình đẳng giáo dục ở nông thôn và thành thị/ Ngô Quỳnh An, Doãn Thị Mai Hương// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 68 – 76

Tóm tắt: Bất bình đẳng giáo dục là nguyên nhân của nhiều bất bình đẳng trong kinh tế xã hội như bất bình đẳng về việc làm, thu nhập, và các phúc lợi xã hội khác, vì vậy cần hiểu rõ về bất bình đẳng trong giáo dục. Bài viết này tổng quan các đo lường bất bình đẳng giáo dục, áp dụng để phân tích bất bình đẳng giáo dục ở nông thôn và thành thị Việt Nam trong giai đoạn 2006-2014. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, những bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội giáo dục tất yếu dẫn tới những bất bình đẳng trong kết quả giáo dục ở nông thôn và thành thị. Để giảm bất bình đẳng, cần đảm bảo sự tiếp cận cơ hội giáo dục cho trẻ em nông thôn từ cấp mầm non. Đa dạng hóa các cơ hội giáo dục chuyên môn, nghề nghiệp phù hợp với mọi năng lực học tập khác nhau cũng góp phần giảm thiểu bất bình đẳng giáo dục sau phổ thông.

Từ khóa: Bất bình đẳng giáo dục; Bất bình đẳng giới; Hệ số Gini; Chỉ số PAR

10. Tính bất đối xứng của khái niệm sự thỏa mãn và bất mãn: lý thuyết và khoảng trống trong nghiên cứu/ Võ Thị Ngọc Thúy// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 77 – 85

Tóm tắt: Sự thỏa mãn/bất mãn của khách hàng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Mặc dù tầm quan trọng trong lý thuyết lẫn thực tiễn, bản chất cân xứng hay bất cân xứng của hai khái niệm vẫn còn nhiều tranh luận. Một nghiên cứu cho thấy rằng đây là hai khái niệm đối xứng, một số lại khẳng định tính bất đối xứng của hai khái niệm. Nghiên cứu này ủng hộ quan điểm bất đối xứng. Theo đó, thỏa mãn đối lập với không thỏa mãn, bất mãn đối lập với không bất mãn. Tức là, thỏa mãn xuất hiện khi không có gì để không thỏa mãn, ngược lại bất mãn xuất hiện khi không có gì để không bất mãn, chứ không phải bất mãn xuất hiện khi không được thỏa mãn. Quan điểm này đã mở ra hướng tiếp cận khác về cách xác định các nhóm yếu tố sản phẩm/dịch vụ có tác động đến

sự hài lòng và bất mãn khách hàng. Nghiên cứu này sẽ làm rõ các nội dung trên, chỉ ra những khoảng trống trong lý thuyết và hướng nghiên cứu mới.

Từ khóa: Tính bất đối xứng; Thuyết hai nhân tố; Sự bất mãn của khách hàng; Sự hài lòng khách hàng

11. Giải pháp tăng cường sự hợp tác giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/ Đỗ Thị Thúy Phương// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 86 – 95

Tóm tắt: Hợp tác trong sản xuất kinh doanh là hết sức cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong bối cảnh sự phát triển của ngành thép theo hướng bền vững. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã tham gia hợp tác với nhau trong sản xuất kinh doanh nhưng số lượng chưa cao. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp chưa toàn diện, các doanh nghiệp chỉ mới hợp tác trong lĩnh vực cung ứng nguyên liệu thép. Hình thức hợp tác giữa các doanh nghiệp phù hợp với lĩnh vực hợp tác nhưng chưa đa dạng, phong phú. Mức độ hợp tác giữa các doanh nghiệp xét trên góc độ tổng thể còn lỏng lẻo do lĩnh vực hợp tác hẹp, nhưng xét trên lĩnh vực cung ứng nguyên liệu, sự hợp tác tương đối bền vững, chặt chẽ. Để thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cần triển khai đồng bộ các giải pháp mà tác giả đề xuất. Sự hợp tác sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp tham gia, giúp các doanh nghiệp hoạt động ổn định, hiệu quả hơn, tốc độ tăng trưởng cao hơn.

Từ khóa: Cạnh tranh; Doanh nghiệp thép; Hợp tác; Kinh doanh; Sản xuất

12. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới ý định hành vi tiêu dùng xanh: Trường hợp khách du lịch quốc tế đến Nha Trang/ Lê Chí Công// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 241 tháng 7/2017 .- Tr. 96 – 104

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của các nhân tố khác nhau đến hành vi tiêu dùng xanh trong lĩnh vực du lịch. Một mẫu nghiên cứu thuận tiện với 390 khách du lịch quốc tế đã được thu thập. Bằng cách mở rộng mô hình lý thuyết hành vi tiêu dùng dự định (TPB) và áp dụng phương pháp phân tích CFA, SEM để đánh giá độ tin cậy, giá trị phân biệt, giá trị hội tụ của thang đo, kiểm định mối quan hệ giữa các khái niệm trong mô hình đo lường, kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò quan trọng của thái độ, chuẩn chủ quan, kiểm soát hành vi nhận thức, đặc biệt kiến thức và sự quan tâm đến tiêu dùng xanh đã giải thích tốt hơn hành vi tiêu dùng xanh của du khách quốc tế. Kết quả nghiên cứu cung cấp thông tin thực sự hữu ích cho các công ty, quản lý ngành du lịch không chỉ trong việc xây dựng chính sách khuyến khích du khách thực hiện tốt hơn hành vi tiêu dùng xanh mà còn giúp du lịch Nha Trang – Khánh Hòa phát triển bền vững.

Từ khóa: Kiến thức; Sự quan tâm; Thái độ; Ý định; TPB; Tiêu dùng xanh

Trung Tâm Thông tin Thư viện